

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74 /2019/DS-PT

Ngày: 26- 3- 2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất nhận
khoán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Thẩm phán:

Ông Hà Thanh Hùng

Ông Nguyễn Thành Lập

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất nhận khoán”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 51 /2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 2 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1977; cư trú tại ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh C (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền ông P: Ông Phan Hoàng B , sinh năm 1958 cư trú tại khóm 8, phường 5, thành phố C (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn H1, sinh năm 1959; cư trú tại ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh C (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Huỳnh Mỹ Sự, trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Cà Mau (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Phạm Thúy H2, sinh năm 1978. (Vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1938. (Vắng mặt)

Cùng cư trú tại ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh C.

3. Bà Lý Kim N1, sinh năm 1962; cư trú tại ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh C (Vắng mặt)

4. Anh Nguyễn U, sinh năm 1982; cư trú tại khóm 5 Phường 4, thành phố C, tỉnh C . (Có mặt)

5. Chị Nguyễn Mỹ H3, sinh năm 1984; cư trú tại khóm 7, thị trấn N, huyện Năm Căn, tỉnh C(Vắng mặt)

6. Chị Nguyễn Kim H4, sinh năm 1986; cư trú tại phường A, quận N, thành phố C(Vắng mặt)

7. Anh Nguyễn Chí T1, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

8. Anh Nguyễn Phương N2, sinh năm 1992 (có mặt).

Cùng cư trú tại thị trấn N, huyện N, tỉnh C

9. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp Ngọc Hiền.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh C .

Người đại diện hợp pháp: ông Phạm Ngọc Hưng , sinh năm 1963 (Có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Tấn H1 là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh P trình bày: Gia đình anh có phần đất diện tích 13.607m² tại ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh C do khai phá và đã được Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp Ngọc Hiền xác lập hồ sơ giao nhận khoán rừng và đất rừng sản xuất do anh đại diện đứng tên tại thửa số 144, khoảnh 16, tiểu khu 154, gia đình anh quản lý đất từ năm 1996 đến nay nhưng không hiểu lý do vì sao ông Nguyễn Tấn H1 cho rằng phần đất nêu trên là của ông và xảy ra tranh chấp. Khi giải quyết tranh chấp tại địa phương theo tinh thần công văn số: 01/CV.2005 ngày 16/02/2005 không có đo đạc thực tế chỉ thể hiện theo mô tả của đương sự, hiện tại bản gốc văn bản này anh không biết ở đâu và khi xác lập hồ sơ nhận khoán mới tiến hành đo đạc xác định diện tích cụ thể. Quá trình sử dụng đất gia đình anh không lấn chiếm và anh xác định phần đất trên thuộc quyền sử dụng của vợ chồng nhận khoán, hiện do vợ chồng anh quản lý nên anh yêu cầu công nhận phần đất theo diện tích đo đạc thực tế 12.677,6m² tại ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh C thuộc quyền sử dụng nhận khoán của vợ chồng anh theo vị trí như sau:

Phía Đông giáp đường Hồ chí Minh.

Phía Tây giáp rạch Ông Như.

Phía Nam giáp rạch Cùng.

Phía Bắc giáp thửa đất ông Nguyễn Tấn H1 đang sử dụng.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn H1 trình bày: Năm 1988 khi có chủ trương giao đất, giao rừng của Nhà nước thì ông có làm thủ tục để nhận đất rừng với tổng diện tích được giao là 13ha tại rạch Kinh Cùng thuộc ấp Tam Hiệp, xã Tân Ân nay là ấp Ô,

xã T, huyện N, tỉnh C. Gia đình ông đã thuê mướn và trực tiếp đào làm ruộng khoảng 10,5ha, phần diện tích còn lại trồng rừng theo chủ trương chung trong đó có cả phần đất mà anh Nguyễn Hữu P yêu cầu và đã được Ban quản lý bảo vệ và phát triển rừng 13/12 cấp sổ hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp do ông đứng tên vào năm 1994 hiện tại đã được chuyển giao cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp Ngọc Hiền quản lý. Năm 1994 ông có cho ông Nguyễn Văn K là cha của anh P mượn phần đất cặp bờ vách ruộng tôm của ông để cất nhà làm quán nước giải khát nhưng sau đó lợi dụng chiếm luôn không trả, hiện tại phần đất do anh P đang quản lý và có yêu cầu Tòa án giải quyết. Do có tranh chấp xảy ra Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp Ngọc Hiền phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiền giải quyết nhưng không thành, đôi với bản gốc công văn số: 01/CV.2005 ngày 16/02/2005 ông không biết cơ quan nào lưu giữ. Anh P yêu cầu Tòa án công nhận phần đất trên thuộc quyền sử dụng nhận khoán của gia đình anh P ông không đồng ý vì đây là phần đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông.

Ông Nguyễn Văn K và chị Phạm Thúy H2 ủy quyền cho anh Nguyễn Hữu P tham gia giải quyết vụ án và toàn quyền quyết định những vấn đề có liên quan nên không có ý kiến gì khác so với ý kiến anh P trình bày.

Đối với bà Lý Kim N1 là vợ ông H1 và các con ông H1 gồm anh Nguyễn U, chị Nguyễn Mỹ H3, chị Nguyễn Kim H4 và anh Nguyễn Chí T1 đều có đơn đề nghị vắng mặt và không có ý kiến yêu cầu gì.

Ý kiến của anh Nguyễn Phương N2 thống nhất với lời trình bày của ông H1, ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Tại văn bản ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp Ngọc Hiền xác định: Phần đất tranh chấp đã được Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp Ngọc Hiền xác lập hồ sơ giao nhận khoán rừng và đất rừng sản xuất cho hộ nhận khoán, do anh Nguyễn Hữu P đại diện gia đình ký hồ sơ giao nhận khoán có tổng diện tích 13.607,1m² thuộc số thửa 144, khoảnh 16, tiểu khu 154. Nay xảy ra tranh chấp đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và đề nghị được vắng mặt.

Ý kiến của bà Huỳnh Mỹ Sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Căn cứ công văn số: 01/CV.2005 ngày 16/02/2005 và Thông báo số: 23/TB.2005 ngày 25/7/2005 do ông H1 cung cấp xác định diện tích ông H1 được giao nhận khoán là 13 ha và theo công văn số: 01/CV.2005 ngày 16/02/2005 thể hiện phần diện tích đất của ông K sử dụng chỉ có 01ha và khi chuyển giao cho anh P sử dụng phần diện tích đo đạc thực tế là 12.677,6m² lớn hơn so với trước đó. Đối với sổ hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp do ông H1 cung cấp thể hiện diện tích được nhận khoán là 9,5 ha thực tế do cơ quan chủ quản giao thiếu trong khi đó hồ sơ giao nhận khoán năm 2014 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp Ngọc Hiền đối với anh P là không đúng. Hơn nữa, phía anh P không có giấy tờ gì chứng minh phần đất gia đình anh đã được cấp trước đó nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Hữu P.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 69/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiến quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu P về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất nhận khoán.

Công nhận phần diện tích đất 12.677,6m² tại thửa số 144, khoảnh 16, tiểu khu 154 thuộc ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh C thuộc quyền sử dụng nhận khoán của hộ gia đình anh Nguyễn Hữu P hiện do anh P quản lý theo vị trí như sau:

Phía Đông giáp đường Hồ chí Minh.

Phía Tây giáp rạch Ông Như.

Phía Nam giáp rạch Cùng.

Phía Bắc giáp thửa đất ông Nguyễn Tấn H1 đang sử dụng.

Buộc ông Nguyễn Tấn H1 có trách nhiệm giao trả cho anh Nguyễn Hữu P phần chi phí đo đạc 18.955.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/12/2018, ông Nguyễn Tấn H1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, công nhận ông P được quyền sử dụng 10.000m², không chấp nhận diện tích 2.677,6m² cho ông P được quyền sử dụng

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Trợ giúp viên pháp lý đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ công văn 01/CV.2005, thông báo số 23/TB.2005, biên bản ngày 24/9/2009, danh sách nhận tiền đền bù chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Tấn H1, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Phần đất tranh chấp giữa các đương sự có diện tích theo đo đạc thực tế là 12.677,6m² tọa lạc tại ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh C. Quá trình giải quyết tranh chấp, cả hai bên đương sự thống nhất về nguồn gốc đất là do được nhận giao khoán từ Ban quản lý bảo vệ và phát triển rừng 13/12 nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp Ngọc Hiến. Qua xem xét thẩm định, phần đất tranh chấp do anh P quản lý sử dụng, anh P yêu cầu công nhận cho anh được quyền sử dụng phần diện tích đất được nhận khoán nêu trên. Tuy nhiên ông H1 chỉ thừa nhận anh P có quyền sử dụng do được nhận khoán 10.000m², phần còn lại diện tích

2.677,6m² ông H1 được quyền sử dụng nên không đồng ý trả theo yêu cầu của anh P.

[2] Xét thấy: Năm 1988 ông H1 được Ban quản lý bảo vệ và phát triển rừng 13/12 ký hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp cho ông H1 diện tích 10ha. Năm 1990 đoàn thanh tra huyện tiến hành thanh tra việc giao đất lâm nghiệp và thu hồi toàn bộ hồ sơ giao đất của các hộ dân, trong đó có cả phần diện tích đất ông H1 được giao. Đến năm 1994 ông H1 được nhận giao khoán lại, theo hợp đồng giao khoán đất có diện tích 9,5ha. Quá trình quản lý sử dụng, ông H1 với ông Nguyễn Văn K có phát sinh tranh chấp. Tại công văn số: 01/CV.2005 ngày 16/02/2005 của Ban quản lý bảo vệ và phát triển rừng 13/12 nêu kết quả kiểm tra và quan điểm giải quyết tranh giữa ông H1 với ông K, theo đó Ban quản lý bảo vệ và phát triển rừng 13/12 xác định phần đất của ông H1 có tổng diện tích đo đạc kể cả biên chéo và đất khác là 13ha, tại Thông báo số 23 của Ban quản lý bảo vệ và phát triển rừng 13/12 ngày 25/7/2005 giao chỉ tiêu trồng rừng của ông H1 trên diện tích 13ha như công văn số 01/CV.2005. Đối với phần đất ông K có diện tích 01ha được Ban quản lý bảo vệ và phát triển rừng 13/12 tạm giao cho ông K quản lý. Tuy nhiên tại thời điểm này Ban quản lý bảo vệ và phát triển rừng 13/12 có yêu cầu ông H1 liên hệ để lập lại Hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp diện tích 13ha này. Nhưng kể từ thời điểm 2005 theo ông H1 xác định có liên hệ với Ban quản lý bảo vệ và phát triển rừng 13/12 cũng như có liên hệ với Công ty lâm nghiệp Ngọc Hiến để lập lại hợp đồng giao khoán mới. Tuy nhiên tại phiên tòa đại diện công ty lâm nghiệp xác định có yêu cầu ông H1 cung cấp sổ hợp đồng năm 1994 nhưng ông H1 không cung cấp nên công ty không có cơ sở pháp lý để cấp sổ hợp đồng mới cho ông H1. Như vậy về ý chí ông H1 cũng đã thừa nhận phần diện tích đất được giao theo sổ hợp đồng năm 1994 diện tích 9,5ha. Trên thực tế, năm 2014 hợp đồng giao khoán đất với ông H1 cũng đã hết hạn, ông H1 cũng chưa được xác lập hợp đồng giao khoán mới theo quy định.

[3] Đối với phần đất của anh P, anh P yêu cầu được công nhận quyền sử dụng nhận khoán, năm 2014 Công ty lâm nghiệp đã lập hồ sơ nhận khoán rừng và đất rừng sản xuất diện tích 13.607,1m² thuộc thửa số 144, khoảnh 16, tiểu khu 154 ấp Ông Như, xã Tân Ân Tây. Sau khi nhận giao khoán anh P quản lý sử dụng theo đo đạc thực tế 12.677,6m² ông H1 cũng không khiếu nại gì về việc công ty lâm nghiệp giao khoán cho anh P. Tại phiên tòa, đại diện công ty xác định việc cấp sổ cho anh P là hợp pháp, không có sự chồng chéo trên phần đất ông H1 được nhận khoán, thực tế phần đất anh P hiện đang quản lý vẫn nhỏ hơn diện tích đất được giao. Căn cứ vào hợp đồng giao khoán giữa anh P với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp Ngọc Hiến đang có hiệu lực, cũng như căn cứ vào quá trình quản lý sử dụng thực tế nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của anh P về việc công nhận cho anh P được quyền sử dụng phần diện tích đất nhận khoán theo đo đạc thực tế 12.677,6m² là có căn cứ

[4] Việc ông H1 cho rằng anh P chỉ được quyền sử dụng 10.000m², ông H1 được quyền sử dụng 2.677,6m² nhưng ông H1 không cung cấp được cơ sở pháp lý, cũng như không chứng minh được quá trình quản lý sử dụng để chứng minh cho

lời trình bày của mình, do vậy HĐXX không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông H1.

[5] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tấn H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm ông H1 được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tấn H1

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 69/2018/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu P về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất nhận khoán.

Công nhận phần diện tích đất 12.677,6m² tại thửa số 144, khoảnh 16, tiểu khu 154 thuộc ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh C thuộc quyền sử dụng nhận khoán của hộ gia đình anh Nguyễn Hữu P hiện do anh P quản lý theo vị trí như sau:

Phía Đông giáp đường Hồ chí Minh.

Phía Tây giáp rạch Ông Như.

Phía Nam giáp rạch Cùng.

Phía Bắc giáp thửa đất ông Nguyễn Tấn H1 đang sử dụng.

Buộc ông Nguyễn Tấn H1 có trách nhiệm giao trả cho anh Nguyễn Hữu P phần chi phí đo đạc 18.955.000 đồng.

Kể từ khi anh Nguyễn Hữu P có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Tấn H1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên thì hàng tháng ông H1 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch ông Nguyễn Tấn H1 được miễn nên không phải chịu. Anh Nguyễn Hữu P không phải chịu, ngày 04/4/2018 anh P đã nộp tạm ứng án phí 6.463.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014157 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Tấn H1 được miễn.

Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hà Thanh Hùng - Nguyễn Thành Lập

Phạm Việt Trung